

Deloitte.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5 - 7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35

M.S.D.
1107

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Hà Thanh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015)
Ông Trần Thanh Hiền	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015)
Ông Nguyễn Thành Quang	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015)
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015)
Bà Sứ Bùi Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015)
Ông Phạm Việt Minh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015)
Ông Trần Sỹ Tiên	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hòa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Trọng Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2016)
Ông Nguyễn Anh Đức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2016)
Ông Nguyễn Thành Quang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2015)
Ông Vũ Tuấn Phan	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 03 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

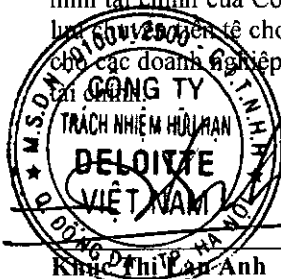
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 30 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Trần Quang Huy
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		740.946.496.883	929.110.366.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	212.146.243.133	154.727.820.786
1. Tiền	111		97.146.243.133	44.727.820.786
2. Các khoản tương đương tiền	112		115.000.000.000	110.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	291.457.840.093	452.739.879.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		296.518.665.960	460.193.032.549
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.060.825.867)	(7.453.153.549)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.786.773.741	124.195.868.181
1. Phải thu khách hàng	131		146.579.981.392	155.938.096.994
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	79.308.118.449	86.131.657.776
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	67.271.862.943	69.806.439.218
2. Trả trước cho người bán	132		1.379.731.256	1.503.085.807
3. Các khoản phải thu khác	135		1.407.535.642	6.343.910.540
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(40.580.474.549)	(39.589.225.160)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.345.595.357	10.765.687.076
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	9.407.640.509	10.739.937.869
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		8.692.614.003	10.084.462.832
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		715.026.506	655.475.037
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	25.749.207
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		937.954.848	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	11	118.210.044.559	186.681.111.208
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		69.978.903.204	123.578.176.130
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		48.231.141.355	63.102.935.078
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		240.841.347.151	111.542.673.911
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.179.875.928	7.204.745.590
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	7.179.875.928	7.204.745.590
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		6.000.000.000	6.000.000.000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		1.179.875.928	1.204.745.590
II. Tài sản cố định	220		5.088.927.353	5.683.449.997
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.967.416.617	5.499.869.186
Nguyên giá	222		17.958.638.951	15.913.354.969
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.991.222.334)	(10.413.485.783)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	121.510.736	183.580.811
Nguyên giá	228		1.310.350.000	1.310.350.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.188.839.264)	(1.126.769.189)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	227.990.000.000	97.990.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		227.990.000.000	97.990.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		582.543.870	664.478.324
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		582.543.870	664.478.324
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		981.787.844.034	1.040.653.040.162

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DNPNT
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		465.943.377.723	503.952.219.222
I. Nợ ngắn hạn	310		463.717.296.947	499.005.380.600
1. Phải trả cho người bán	312		129.784.410.696	142.461.758.432
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	129.083.400.086	141.517.076.642
1.2. Phải trả khác cho người bán	312		701.010.610	944.681.790
2. Người mua trả tiền trước	313		7.927.703.441	3.742.372.213
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	5.226.920.470	9.083.951.850
4. Phải trả người lao động	315		7.450.715.975	5.754.619.346
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	21.408.397.165	1.547.800.222
6. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	5.861.510.364	9.722.136.820
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		715.883.635	-
8. Dự phòng nghiệp vụ	329	17	285.341.755.201	326.692.741.717
8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		163.563.162.570	199.848.509.638
8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		90.347.042.346	97.236.634.369
8.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		31.431.550.285	29.607.597.710
II. Nợ dài hạn	330		2.226.080.776	4.946.838.622
1. Phải trả dài hạn khác	333	16	1.000.000	101.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.225.080.776	4.845.838.622
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		515.844.466.311	536.700.820.940
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	515.844.466.311	536.700.820.940
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		9.892.570.140	9.579.312.447
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.951.896.171	27.121.508.493
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		981.787.844.034	1.040.653.040.162

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	VND	95.350.349.293	91.696.015.712
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND		-
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD		970.066,04
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR		80,37

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Trần Việt Quân

Trần Việt Quân
 Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

m

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DNPNT
Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	
		2015	(Phân loại lại)
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	189.464.184.008	170.512.274.849
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	48.487.570.632	70.028.692.668
3. Thu nhập khác	13	111.982.164	240.085.301
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	183.145.141.310	147.526.961.182
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	17.501.797.376	23.773.290.684
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	26.802.349.598	29.839.916.404
7. Chi phí khác	24	2.025.311.987	1.410.411.685
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	8.589.136.533	38.230.472.863
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.323.982.669	8.289.447.387
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60	6.265.153.864	29.941.025.476

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DNPNT
 Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Phân loại lại)
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	19	369.810.451.574	425.637.730.956
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		307.734.580.089	376.760.022.449
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		25.790.524.417	30.389.604.917
- (Giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(36.285.347.068)	(18.488.103.590)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	20	197.267.573.295	275.676.154.014
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		143.668.300.369	251.955.249.805
- (Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(53.599.272.926)	(23.720.904.209)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		172.542.878.279	149.961.576.942
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		16.921.305.729	20.550.697.907
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		16.799.853.142	19.135.370.178
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		121.452.587	1.415.327.729
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		189.464.184.008	170.512.274.849
6. Chi bồi thường	11		94.712.999.939	123.694.025.472
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		35.807.076.424	66.772.134.674
8. Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(6.889.592.023)	(10.360.025.883)
9. (Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái	14		(14.871.793.723)	(16.313.401.021)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	21	66.888.125.215	62.875.265.936
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		1.823.952.575	1.551.943.707
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	22	114.433.063.520	83.099.751.539
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		18.611.673.370	10.350.487.142
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		95.821.390.150	72.749.264.397

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DNPNT
Đơn vị: VND

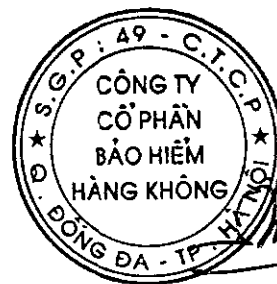
PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Phân loại lại)
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		183.145.141.310	147.526.961.182
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		6.319.042.698	22.985.313.667
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	48.487.570.632	70.028.692.668
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	17.501.797.376	23.773.290.684
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		30.985.773.256	46.255.401.984
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	26.802.349.598	29.839.916.404
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		10.502.466.356	39.400.799.247
20. Thu nhập khác	31		111.982.164	240.085.301
21. Chi phí khác	32		2.025.311.987	1.410.411.685
22. (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(1.913.329.823)	(1.170.326.384)
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.589.136.533	38.230.472.863
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.323.982.669	8.289.447.387
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		6.265.153.864	29.941.025.476


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu


Trần Việt Quân
Kế toán trưởng


Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

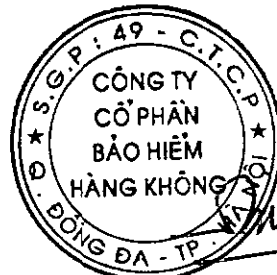
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DNPNT
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	
		2015	(Phân loại lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	443.200.194.951	793.236.053.668
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(388.903.008.650)	(697.088.333.994)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(33.806.404.086)	(25.508.897.734)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(7.367.891.987)	(6.895.219.323)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.140.789.682	4.292.472.288
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(37.804.201.643)	(39.226.994.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.540.521.733)	28.809.080.095
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.064.733.982)	(2.499.084.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	10.227.272	909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(894.000.011.022)	(633.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	929.697.638.922	561.202.068.492
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.082.076.459	38.331.656.337
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	74.725.197.649	(35.964.450.444)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(4.795.622.039)	(21.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.795.622.039)	(21.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	57.389.053.877	(28.655.370.349)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	154.727.820.786	182.337.903.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	29.368.470	1.045.287.820
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	212.146.243.133	154.727.820.786


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu


Trần Việt Quân
Kế toán trưởng




Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 500 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 276 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 248).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và mười (10) chi nhánh tại Hà Nội, Ninh Bình, Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Nghệ An, Gia Lai và thành phố Hồ Chí Minh.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại/trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN MỚI

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2014/TT-BTC (“Thông tư 194”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư 194 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015 và áp dụng cho năm tài chính 2015 trở đi.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tài sản tài chính của Công ty do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2015</u> (Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

Dự phòng phí chưa được hưởng: Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Ký quỹ bảo hiểm

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) được hạch toán khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong năm, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm". Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc" và "Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm". Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng năm nay để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Phân loại lại) VND
Tiền mặt	813.983.122	655.895.310
Tiền gửi ngân hàng	96.332.260.011	43.845.925.476
Tiền đang chuyển	-	226.000.000
Các khoản tương đương tiền (i)	115.000.000.000	110.000.000.000
	<u>212.146.243.133</u>	<u>154.727.820.786</u>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014 (Phân loại lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	296.518.665.960	(5.060.825.867)	460.193.032.549	(7.453.153.549)
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>34.518.665.960</i>	<i>(5.060.825.867)</i>	<i>36.193.032.549</i>	<i>(7.453.153.549)</i>
- Tổng giá trị cổ phiếu	34.518.665.960	(5.060.825.867)	36.193.032.549	(7.453.153.549)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>262.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>424.000.000.000</i>	<i>-</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	262.000.000.000	-	424.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	227.990.000.000	-	97.990.000.000	-
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>226.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>96.000.000.000</i>	<i>-</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	190.000.000.000	-	60.000.000.000	-
- Trái phiếu (iii)	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
<i>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>1.990.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.990.000.000</i>	<i>-</i>
- Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	1.990.000.000	-	1.990.000.000	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.
- (ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tài chính.
- (iii) Bao gồm khoản đầu tư vào trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Trái phiếu trị giá 36.000.000.000 VND, thời hạn 10 năm. Trái phiếu đáo hạn tại ngày 06 tháng 6 năm 2017, lãi suất danh nghĩa 9,2%/năm.
- (iv) Thể hiện khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để trình bày trên báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TC

m

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	43.783.748.704	51.648.248.924
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	14.120.199.858	13.240.043.031
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	29.663.548.846	38.408.205.893
+ Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	29.050.314.098	31.204.839.271
+ Công ty bảo hiểm khác	613.234.748	7.203.366.622
b) Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	12.559.434.710	15.862.560.257
c) Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	20.894.249.464	16.812.478.421
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	1.473.338.932	1.476.688.552
e) Phải thu khác	597.346.639	331.681.622
	79.308.118.449	86.131.657.776
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm của bên liên quan (Chi tiết như trình bày tại Thuyết minh số 31)	-	2.307.016.149

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Ngắn hạn	67.271.862.943	69.806.439.218
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	18.731.541.665	20.268.931.944
Phải thu lãi trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	1.876.800.000	1.876.800.000
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	46.662.595.121	47.655.761.788
Phải thu khác	926.157	4.945.486
b) Dài hạn	7.179.875.928	7.204.745.590
Ký quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	6.000.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	1.179.875.928	1.204.745.590
	74.451.738.871	77.011.184.808

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi với giá trị lần lượt là 30.251.110.969 VND và 16.411.484.152 VND. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng (Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	58.683.240.707	40.580.474.549	67.754.648.389	39.589.225.160
+ Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	46.662.595.121	33.272.401.590	47.655.761.788	25.708.865.058
+ Các đối tượng khác	12.020.645.586	7.308.072.959	20.098.886.601	13.880.360.102

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	
Phí bảo hiểm gốc	89.197.606	267.095.270	700.894.349	2.870.158.868	3.927.346.093
Phải thu tái bảo hiểm	4.161.314.031	2.253.002.640	889.657.407	789.325.415	8.093.299.493
Cộng	4.250.511.637	2.520.097.910	1.590.551.756	3.659.484.283	12.020.645.586

Theo Thông tư 200, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu để trình bày trên báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu năm	10.084.462.832	-
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	8.693.718.912	10.084.462.832
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(10.085.567.741)	-
- Số dư tại ngày cuối năm	<u>8.692.614.003</u>	<u>10.084.462.832</u>
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	715.026.506	655.475.037
	<u>9.407.640.509</u>	<u>10.739.937.869</u>

11. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	69.978.903.204	123.578.176.130
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	48.231.141.355	63.102.935.078
	<u>118.210.044.559</u>	<u>186.681.111.208</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	6.139.077.778	9.774.277.191	15.913.354.969
Mua sắm mới	1.646.375.454	431.090.346	2.077.465.800
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.181.818)	(32.181.818)
Tại ngày 31/12/2015	<u>7.785.453.232</u>	<u>10.173.185.719</u>	<u>17.958.638.951</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	3.437.917.681	6.975.568.102	10.413.485.783
Trích khấu hao	837.956.694	1.771.961.675	2.609.918.369
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.181.818)	(32.181.818)
Tại ngày 31/12/2015	<u>4.275.874.375</u>	<u>8.715.347.959</u>	<u>12.991.222.334</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u>3.509.578.857</u>	<u>1.457.837.760</u>	<u>4.967.416.617</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.701.160.097</u>	<u>2.798.709.089</u>	<u>5.499.869.186</u>

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.240.378.718 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
NGUYÊN GIÁ	VND
Tại ngày 01/01/2015	1.310.350.000
Tăng do mua sắm	-
Tại ngày 31/12/2015	1.310.350.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	1.126.769.189
Trích khấu hao	62.070.075
Tại ngày 31/12/2015	1.188.839.264
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	121.510.736
Tại ngày 31/12/2014	183.580.811

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.000.000.000 đồng

14. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	93.626.466.127	92.668.059.728
Công ty Willis Singapore	38.459.444.987	32.352.994.183
Công ty Willis London	38.710.706.146	35.225.716.291
Các khoản phải trả khách hàng khác	16.456.314.994	25.089.349.254
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	4.809.925.988	8.236.501.326
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	26.007.942.265	32.673.571.909
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	16.479.512.561	23.445.244.195
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	3.839.394.133	4.219.921.047
Các khoản phải trả khách hàng khác	5.689.035.571	5.008.406.667
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	1.553.063.443	2.046.018.429
e) Phải trả khác	3.086.002.263	5.892.925.250
	129.083.400.086	141.517.076.642
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm của bên liên quan (Chi tiết như trình bày tại Thuyết minh số 31)	-	23.445.244.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	937.954.848	-	937.954.848
Cộng	-	937.954.848	-	937.954.848

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
b. Các khoản phải nộp				
Thuế GTGT	4.528.155.210	18.181.177.251	19.528.736.200	3.180.596.261
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.390.751.511	2.039.185.628	6.429.937.139	-
Thuế thu nhập cá nhân	92.444.828	841.962.821	736.304.144	198.103.505
Thuế nhà thầu nước ngoài	720.935	40.238.681	40.031.161	928.455
Thuế, phí phải nộp khác	71.879.366	1.923.103.318	147.690.435	1.847.292.249
Cộng	9.083.951.850	23.025.667.699	26.882.699.079	5.226.920.470

Trong đó, thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm: 2.039.185.628
Số thuế TNDN phải nộp năm 2015 2.323.982.669
Số thuế TNDN phải nộp điều chỉnh các năm trước (284.797.041)

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu năm	9.722.136.820	-
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	5.861.510.364	9.722.136.820
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(9.722.136.820)	-
- Số dư tại ngày cuối năm	5.861.510.364	9.722.136.820
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả bảo hiểm xã hội	3.155.778	6.639.541
Phải trả bảo hiểm y tế	2.213.798	534.298
Phải trả kinh phí công đoàn	268.481.365	650.709.001
Phải trả các cổ đông	20.714.413.900	522.826.847
Phải trả khác	420.132.324	367.090.535
	21.408.397.165	1.547.800.222
3. Phải trả dài hạn khác	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.000.000	101.000.000
	1.000.000	101.000.000

R

M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Tại ngày 31/12/2015		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
1. Dự phòng bồi thường	90.347.042.346	48.231.141.355	42.115.900.991
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	80.343.119.924	43.921.092.345	36.422.027.579
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	10.003.922.422	4.310.049.010	5.693.873.412
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	163.563.162.570	69.978.903.204	93.584.259.366
Cộng	253.910.204.916	118.210.044.559	135.700.160.357

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2015		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
Số dư tại 01/01	97.236.634.369	63.102.935.078	34.133.699.291
Số hoàn nhập trong năm	(6.889.592.023)	(14.871.793.723)	7.982.201.700
Số dư tại 31/12	90.347.042.346	48.231.141.355	42.115.900.991

2. Dự phòng phí chưa được hưởng	Năm 2015		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
Số dư tại 01/01	199.848.509.638	123.578.176.130	76.270.333.508
Số hoàn nhập trong năm	(36.285.347.068)	(53.599.272.926)	17.313.925.858
Số dư tại 31/12	163.563.162.570	69.978.903.204	93.584.259.366

3. Dự phòng dao động lớn

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Số dư tại 01/01	29.607.597.710	28.055.654.003
Số trích lập thêm trong năm	1.823.952.575	1.551.943.707
Số dư tại 31/12	31.431.550.285	29.607.597.710

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	500.000.000.000	8.082.261.173	22.928.028.291	531.010.289.464
Lợi nhuận trong năm	-	-	29.941.025.476	29.941.025.476
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	1.497.051.274	(1.497.051.274)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.378.028.291)	(1.378.028.291)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	-	-	(1.372.465.709)	(1.372.465.709)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(21.500.000.000)	(21.500.000.000)
Tại ngày 01/01/2015	500.000.000.000	9.579.312.447	27.121.508.493	536.700.820.940
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.265.153.864	6.265.153.864
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	313.257.693	(313.257.693)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.121.508.493)	(2.121.508.493)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	500.000.000.000	9.892.570.140	5.951.896.171	515.844.466.311

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn góp tại ngày 31/12/2015	
	VND	Tỷ lệ
Cổ đông sáng lập		
Công ty Cổ phần Nam Việt	40.000.000.000	8%
Cổ đông khác		
Công ty CP HUM	45.000.000.000	9%
Công ty CP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	45.000.000.000	9%
Ông Phạm Ngọc Lâm	45.000.000.000	9%
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	45.000.000.000	9%
Cổ đông khác	280.000.000.000	56%
	500.000.000.000	100%

Ngày 19 tháng 5 năm 2015, Bộ Tài chính đã có Công văn số 6454/BTC-QLBH chấp thuận về nguyên tắc việc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam chuyển nhượng 20% phần vốn góp của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

Ngày 20 tháng 8 năm 2015, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam đã thoái toàn bộ số vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không cho các nhà đầu tư.

Ngày 26 tháng 10 năm 2015, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội đã thoái toàn bộ vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không cho các nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

a) Doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	307.946.633.168	380.225.224.772
Bảo hiểm hàng không	94.352.347.275	147.222.759.714
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	10.846.275.403	12.056.618.578
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	16.119.596.198	39.023.307.893
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	13.436.235.059	13.669.423.636
Bảo hiểm xe cơ giới	147.457.836.365	95.426.271.012
Bảo hiểm cháy, nổ	15.933.182.424	60.875.979.822
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3.754.443.080	3.003.948.242
Bảo hiểm trách nhiệm chung	5.998.686.310	8.765.474.487
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	48.031.054	181.441.388
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(212.053.079)	(3.465.202.323)
Phí nhận tái bảo hiểm	25.831.126.199	32.027.239.810
Bảo hiểm hàng không	6.304.796.815	789.365.771
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	10.468.313	-
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	13.214.914.135	16.891.409.337
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	(632.860.740)	2.276.718.517
Bảo hiểm xe cơ giới	-	70.555.973
Bảo hiểm cháy, nổ	3.921.168.848	8.897.000.203
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	2.841.970.225	2.355.102.078
Bảo hiểm trách nhiệm chung	155.129.302	554.207.766
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	15.539.301	192.880.165
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(40.601.782)	(1.637.634.893)
Giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	36.285.347.068	18.488.103.590
	369.810.451.574	425.637.730.956

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (*)	52.348.597.666	120.672.854.954

(*) Đây là doanh thu đối với Tổng Công ty Hàng không Việt Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 20 tháng 8 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	143.668.300.369	251.955.249.805
Bảo hiểm hàng không	96.240.574.021	138.857.045.536
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	473.614.011	673.997.089
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	14.424.338.567	32.859.198.429
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	7.420.988.012	9.597.795.184
Bảo hiểm xe cơ giới	2.092.484.349	980.649.978
Bảo hiểm cháy, nổ	17.226.792.922	62.731.404.515
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3.154.878.803	2.728.609.265
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2.581.552.266	3.193.244.603
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	53.077.418	333.305.206
Giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	53.599.272.926	23.720.904.209
	197.267.573.295	275.676.154.014

21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

a) Chi bồi thường

	Năm 2015 VND	Năm 2014 (Phân loại lại) VND
Tổng chi bồi thường	94.712.999.939	123.694.025.472
Bảo hiểm hàng không	27.370.415.445	61.349.068.034
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	3.916.342.668	4.925.854.830
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	8.017.949.082	14.256.898.663
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	4.852.984.325	8.385.502.850
Bảo hiểm xe cơ giới	44.405.543.353	32.845.005.164
Bảo hiểm cháy, nổ	2.054.264.125	1.193.663.681
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3.155.003.711	621.665.067
Bảo hiểm trách nhiệm chung	909.439.153	91.071.436
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	31.058.077	25.295.747
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(35.807.076.424)	(66.772.134.674)
Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(6.889.592.023)	(10.360.025.883)
Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14.871.793.723	16.313.401.021
	66.888.125.215	62.875.265.936

b) Chi bồi thường đối với các bên liên quan

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (*)	6.089.479.348	50.489.486.720

(*) Đây là chi bồi thường đối với Tổng Công ty Hàng không Việt Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 20 tháng 8 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm 2015 VND	Năm 2014 (Phân loại lại) VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	18.611.673.370	10.350.487.142
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	29.386.363	-
Chi để phòng hạn chế tổn thất	1.488.936.194	805.392.197
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	1.165.827.099	960.458.726
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	53.382.679.634	40.531.229.980
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	39.437.350.383	29.919.027.755
Chi khác	317.210.477	533.155.739
	114.433.063.520	83.099.751.539

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.935.535.541	37.630.173.440
Lãi đầu tư trái phiếu	4.632.679.592	11.620.213.840
Lãi kinh doanh chứng khoán	346.886.511	11.417.575.042
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.112.911.913	1.221.698.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.457.505.206	439.032.346
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.051.869	7.700.000.000
	48.487.570.632	70.028.692.668

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.465.439.472	982.346.443
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	5.171.208.850	19.693.906.912
Chi phí đầu tư chứng khoán	8.799.484.448	538.790.972
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.065.664.606	2.558.246.357
	17.501.797.376	23.773.290.684



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.856.216.058	13.477.118.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.457.816.115	9.812.169.347
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.669.632.566)	1.740.775.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.026.571.014	1.929.183.274
Chi phí dụng cụ văn phòng	184.218.641	301.935.609
Chi phí vật liệu quản lý	733.396.067	1.036.410.673
Thuế, phí và lệ phí	370.335.945	(328.300.444)
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	1.756.055.036	1.533.645.631
Chi phí quản lý khác	87.373.288	336.978.798
	26.802.349.598	29.839.916.404

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.323.982.669	8.289.447.387
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.323.982.669	8.289.447.387

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	8.589.136.533	38.230.472.863
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.242.851.059)	(2.267.985.820)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.217.272.112	1.716.819.263
Thu nhập chịu thuế	10.563.557.586	37.679.306.306
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.323.982.669	8.289.447.387

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh bảo hiểm, các khoản đầu tư vào lĩnh vực khác kinh doanh khác là không đáng kể. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong cùng một khu vực địa lý cũng như cùng phạm vi môi trường kinh tế. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty.

R

m

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Biên khả năng thanh toán (I=(1)-(2)-(3)-(4))	450.788.366.648	449.572.156.081
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	515.844.466.311	536.700.820.940
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	24.863.701.102	35.442.032.365
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	40.192.398.561	51.686.632.494
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	47.464.201.034	50.893.703.421
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	47.464.201.034	38.798.594.390
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	41.690.638.063	50.893.703.421
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	403.324.165.613	398.678.452.661
Theo tỷ lệ phần trăm	950%	883%

29. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2014	
		31/12/2015	(Phân loại lại)
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	24,53	10,72
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	75,47	89,28
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	47,46	48,43
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	52,54	51,57
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,11	2,06
2.2 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,60	1,86
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,09	1,22
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,61	15,88
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	2,63	12,43
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,87	3,67
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,64	2,88
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	1,21	5,58

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.146.243.133	154.727.820.786
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.400.884.820	121.116.365.728
Đầu tư ngắn hạn	291.457.840.093	452.739.879.000
Đầu tư dài hạn	227.990.000.000	97.990.000.000
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	48.231.141.355	63.102.935.078
Tài sản tài chính khác	1.179.875.928	1.204.745.590
Tổng cộng	<u>887.405.985.329</u>	<u>890.881.746.182</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	151.193.807.861	144.103.919.113
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	90.347.042.346	97.236.634.369
Tổng cộng	<u>241.540.850.207</u>	<u>241.340.553.482</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Mức độ thường xuyên và tính chất nghiêm trọng của bồi thường bảo hiểm bị tác động bởi nhiều yếu tố. Yếu tố đáng chú ý nhất là mức độ gia tăng số trường hợp tranh chấp liên quan đến tòa án vẫn chưa được giải quyết hoặc xử lý chậm trong thời gian dài. Lạm phát ước tính cũng là nhân tố đáng kể do giải quyết những trường hợp này thường kéo dài qua nhiều năm. Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược cung cấp bảo hiểm, xây dựng tỉ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	72.590.704.726	73.166.771.198	105.014.345.230	77.594.615.076
Euro (EUR)	482.043.341	215.140.498	351.952.123	965.235.238
Đồng tiền khác	349.253.961	613.944.178	396.389	279.648.493

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm tương ứng 3.242.364.050 VND. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, theo đó, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 40.580.474.549 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 39.589.225.160 VND).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.696.840.355	-	212.696.840.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.400.884.820	-	106.400.884.820
Đầu tư ngắn hạn	297.366.306.760	-	297.366.306.760
Đầu tư dài hạn	3.367.200.000	244.208.733.333	247.575.933.333
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	48.231.141.355	-	48.231.141.355
Tài sản tài chính khác	-	1.179.875.928	1.179.875.928
Tổng cộng	668.062.373.290	245.388.609.261	913.450.982.551
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	151.192.807.861	1.000.000	151.193.807.861
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	90.347.042.346	-	90.347.042.346
Tổng cộng	241.539.850.207	1.000.000	241.540.850.207
Chênh lệch thanh khoản thuần	426.522.523.083	245.387.609.261	671.910.132.344

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	155.608.688.842	-	155.608.688.842
Phải thu khách hàng và phải thu khác	121.116.365.728	-	121.116.365.728
Đầu tư ngắn hạn	469.417.769.278	-	469.417.769.278
Đầu tư dài hạn	-	116.413.920.333	116.413.920.333
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	63.102.935.078	-	63.102.935.078
Tài sản tài chính khác	-	1.204.745.590	1.204.745.590
Tổng cộng	809.245.758.926	117.618.665.923	926.864.424.849
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	144.103.919.113	-	144.103.919.113
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	97.236.634.369	-	97.236.634.369
Tổng cộng	241.340.553.482	-	241.340.553.482
Chênh lệch thanh khoản thuần	567.905.205.444	117.618.665.923	685.523.871.367

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Chủ sở hữu (Thoái vốn ngày 20/8/2015)
Công ty Cổ phần Nam Việt	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	Chủ sở hữu (Thoái vốn ngày 26/10/2015)
Công ty Cổ phần HUM	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam		
Doanh thu bảo hiểm gốc	52.348.597.666	120.672.854.954
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	6.089.479.348	50.489.486.720
Chi trả cổ tức	-	4.300.000.000
Công ty Cổ phần Nam Việt		
Chi trả cổ tức	-	1.720.000.000
Cổ tức phải trả	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội		
Chi trả cổ tức	-	3.272.300.000
Công đoàn Tổng Công ty Hàng không Việt Nam		
Chi trả cổ tức	-	3.870.000.000
Công ty Cổ phần HUM		
Chi trả cổ tức	2.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa chất công nghiệp Tân Long		
Chi trả cổ tức	2.250.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.763.090.000	1.535.392.765
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Phụ cấp, thù lao	1.288.732.829	1.217.627.778

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nam Việt		
Phải trả cổ tức	2.000.000.000	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	-	2.307.016.149
Phải trả các khoản chi phí bảo hiểm gốc	-	23.445.244.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Đồng thời, Công ty cũng phân loại lại một số chi tiêu trên báo cáo tài chính cho mục đích so sánh.

Theo đó, một số chi tiêu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại như sau:

KHOẢN MỤC	Mã số	Tại ngày 31/12/2014		
		Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	989.110.366.251	(60.000.000.000)	929.110.366.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	262.727.820.786	(108.000.000.000)	154.727.820.786
2. Các khoản tương đương tiền	112	218.000.000.000	(108.000.000.000)	110.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	404.739.879.000	48.000.000.000	452.739.879.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	412.193.032.549	48.000.000.000	460.193.032.549
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	122.413.505.402	1.782.362.779	124.195.868.181
3. Các khoản phải thu khác	135	4.561.547.761	1.782.362.779	6.343.910.540
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	12.548.049.855	(1.782.362.779)	10.765.687.076
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.782.362.779	(1.782.362.779)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	51.542.673.911	60.000.000.000	111.542.673.911
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	37.990.000.000	60.000.000.000	97.990.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	37.990.000.000	60.000.000.000	97.990.000.000
		Năm 2014		
CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	81.549.816.672	1.549.934.867	83.099.751.539
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	71.199.329.530	1.549.934.867	72.749.264.397
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32.511.990.660	(2.672.074.256)	29.839.916.404
3. Chi phí khác	32	288.272.296	1.122.139.389	1.410.411.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)


MẪU SỐ B 09-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014		
		Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	603.967.221.149	189.268.832.519	793.236.053.668
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(523.094.039.196)	(173.994.294.798)	(697.088.333.994)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.779.798.846)	(729.098.888)	(25.508.897.734)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(33.885.820.433)	26.990.601.110	(6.895.219.323)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	369.297.802.142	(365.005.329.854)	4.292.472.288
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(374.959.425.130)	335.732.430.320	(39.226.994.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.545.939.686	12.263.140.409	28.809.080.095
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	909.091	909.091
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(627.000.000.000)	(6.000.000.000)	(633.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	654.000.000.000	(92.797.931.508)	561.202.068.492
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(152.148.482.700)	152.148.482.700	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	159.473.259.158	(159.473.259.158)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.472.997.871	(14.141.341.534)	38.331.656.337
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	84.298.689.965	(120.263.140.409)	(35.964.450.444)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	79.344.692.651	(108.000.063.000)	(28.655.370.349)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	262.727.820.786	(108.000.000.000)	154.727.820.786


Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập biểu


Trần Việt Quân
Kế toán trưởng


Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016